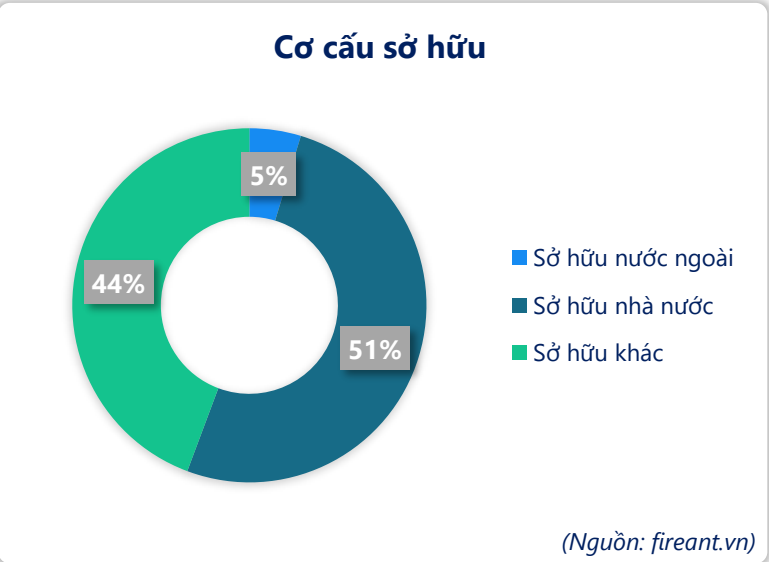
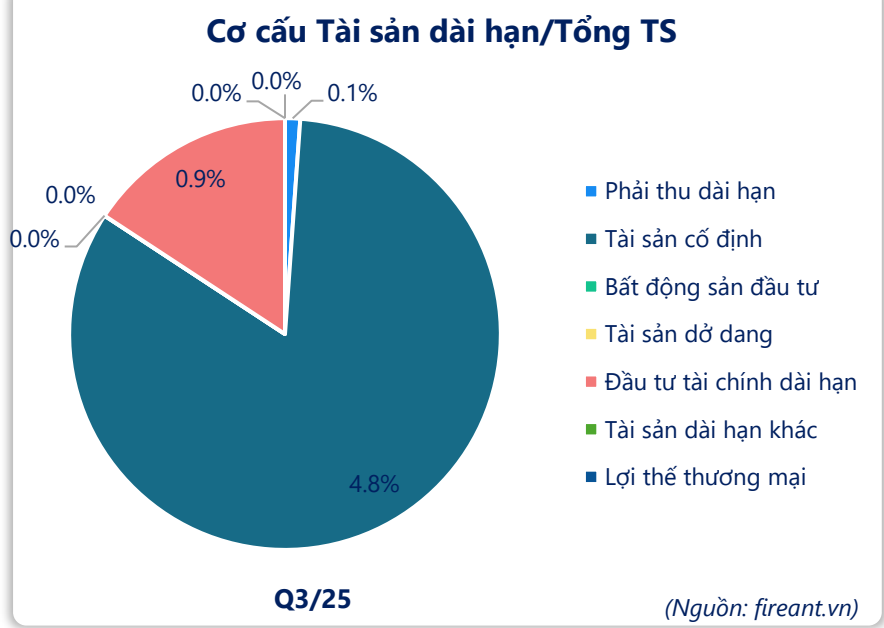
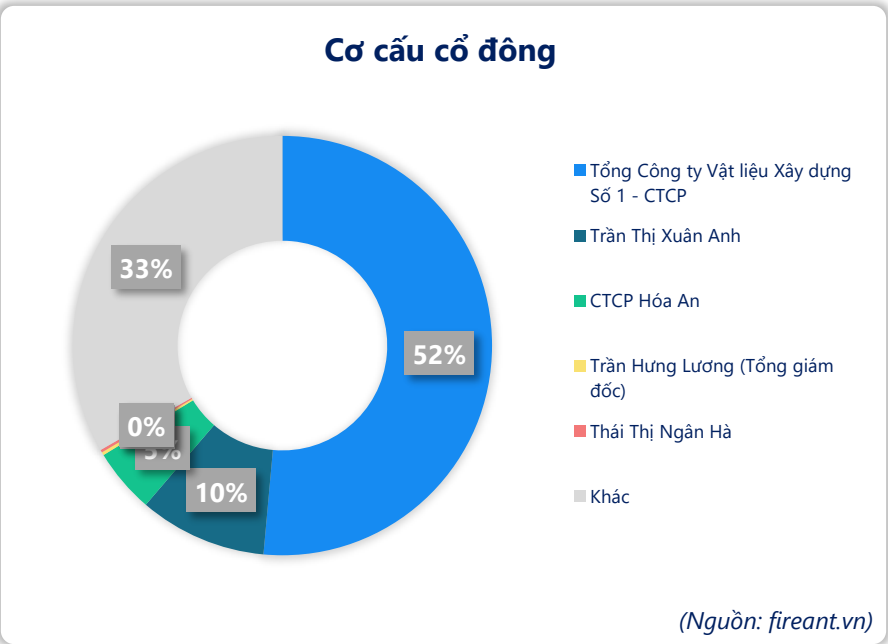
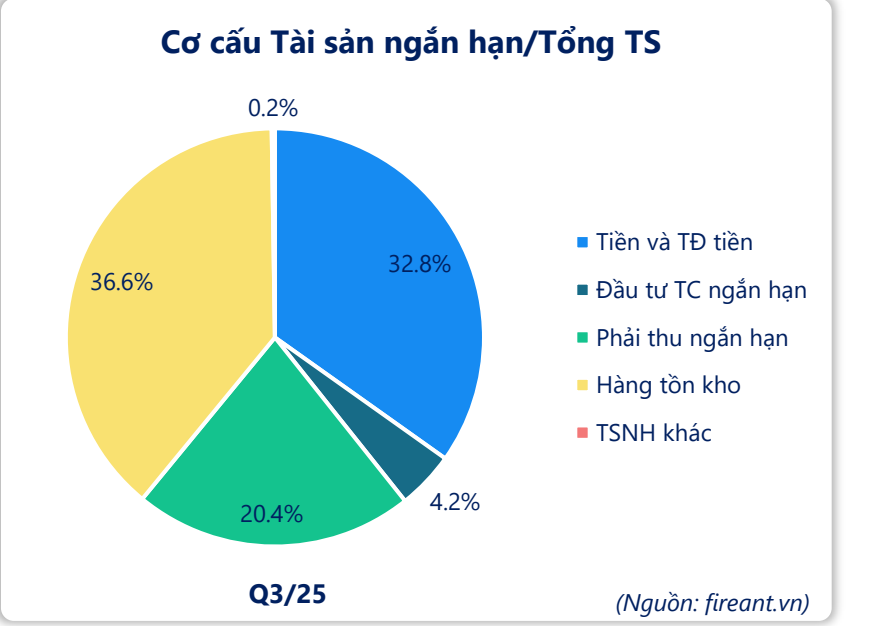
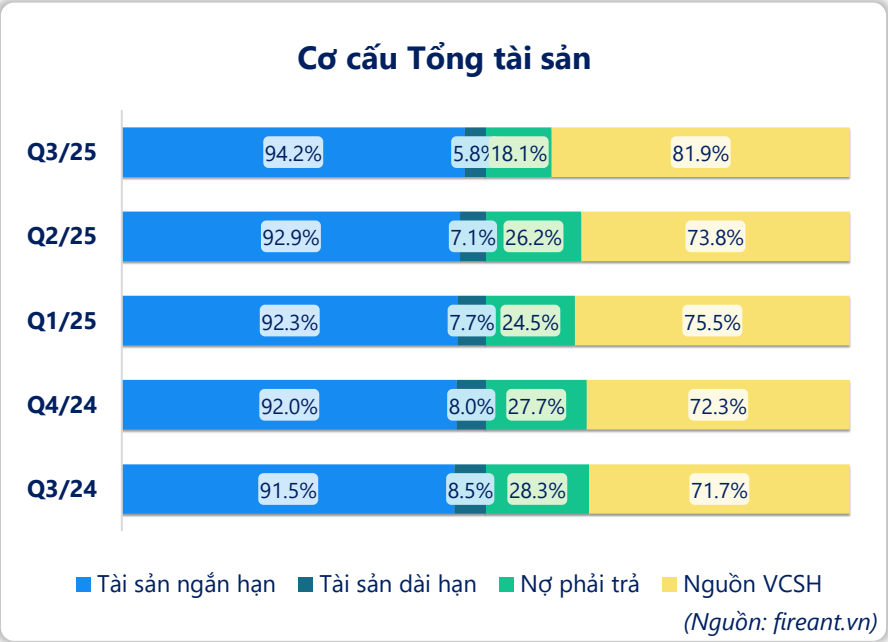


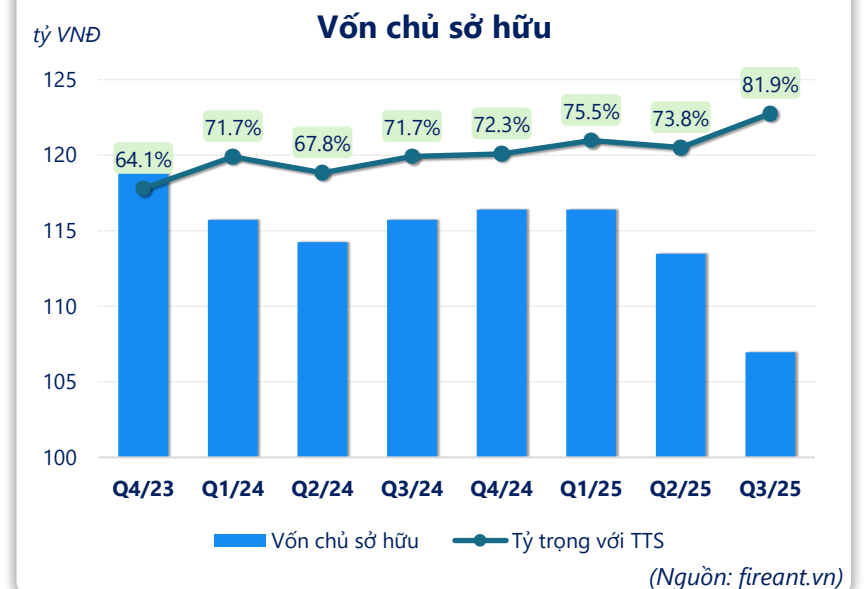
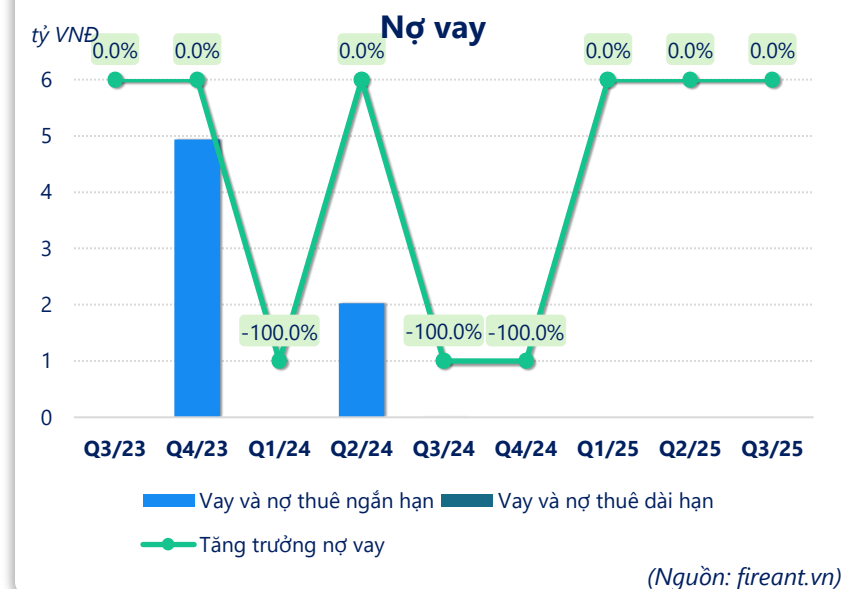
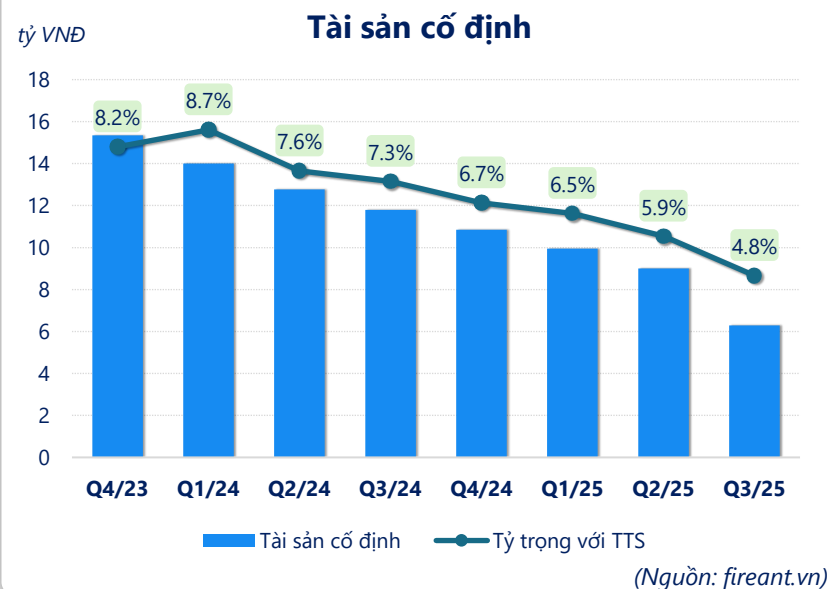
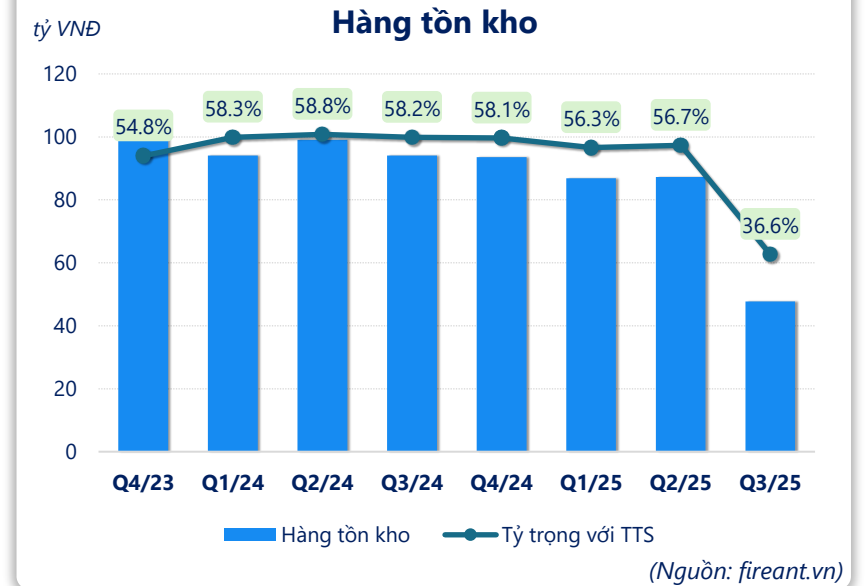
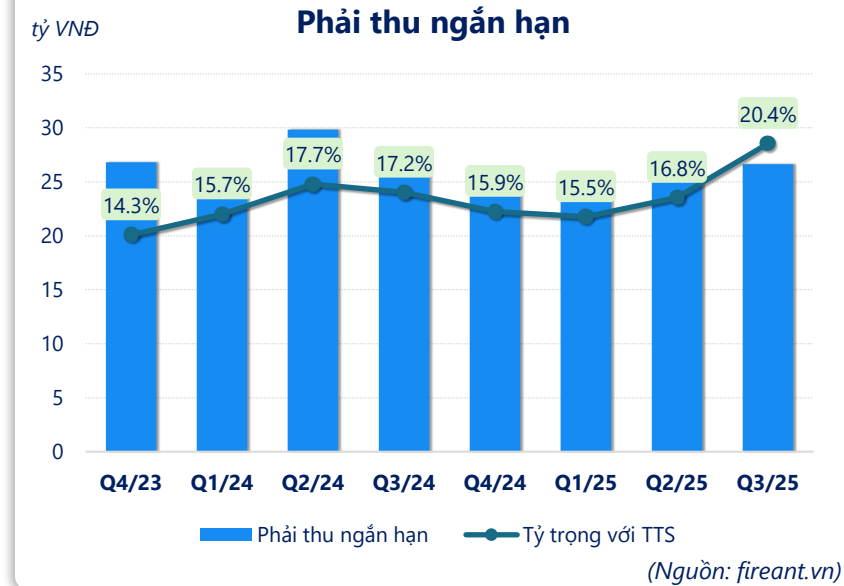
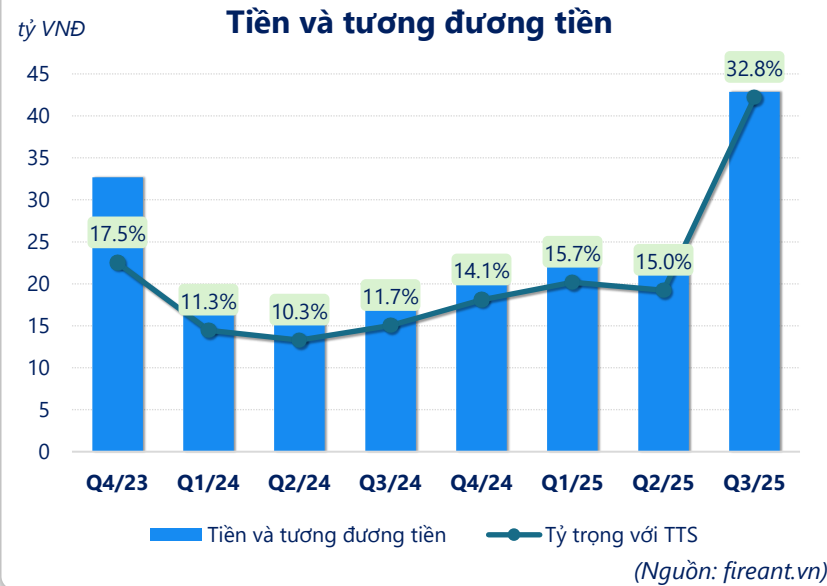
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,878
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,500
SL cổ phiếu LH		5,940,528
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,490
% sở hữu nước ngoài		4.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		45
P/E		-7.8
EPS		-980

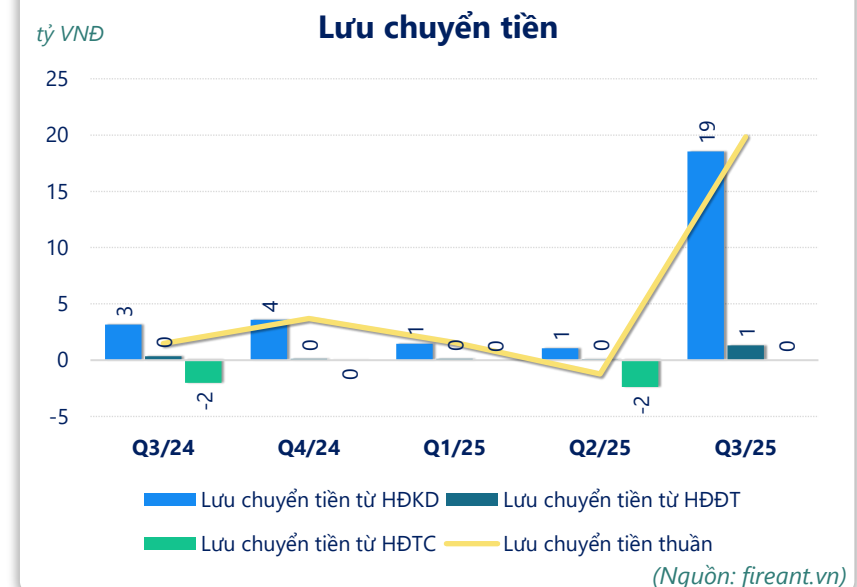
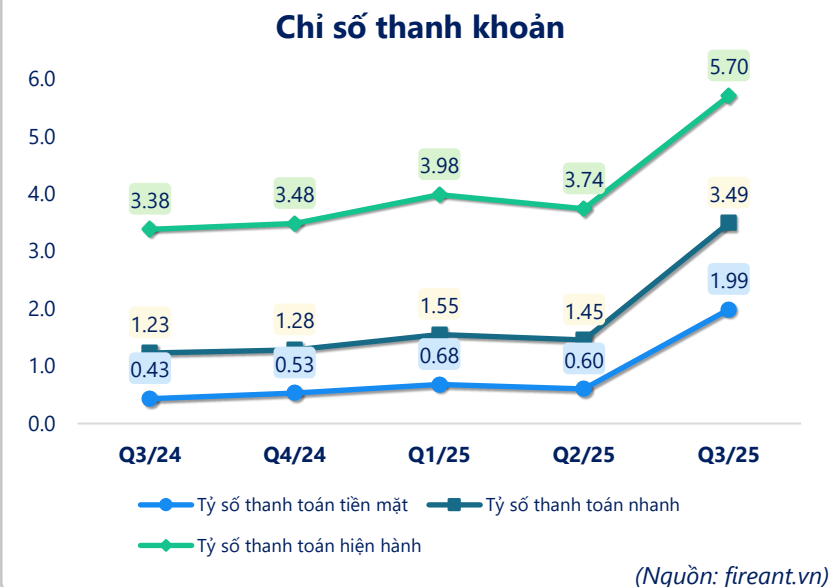
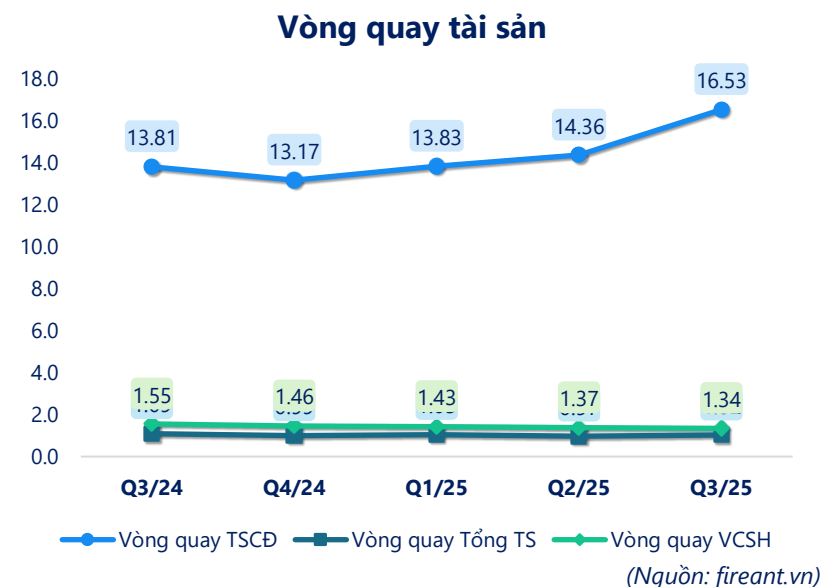
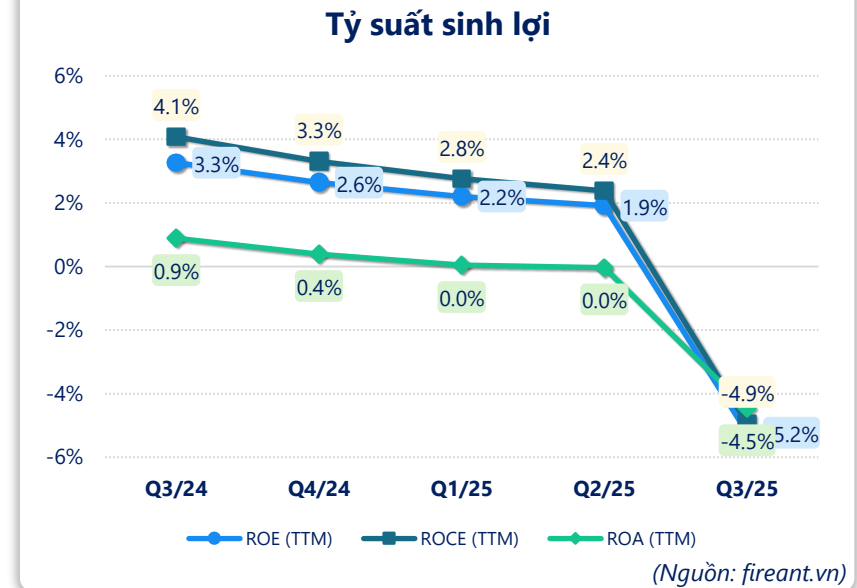
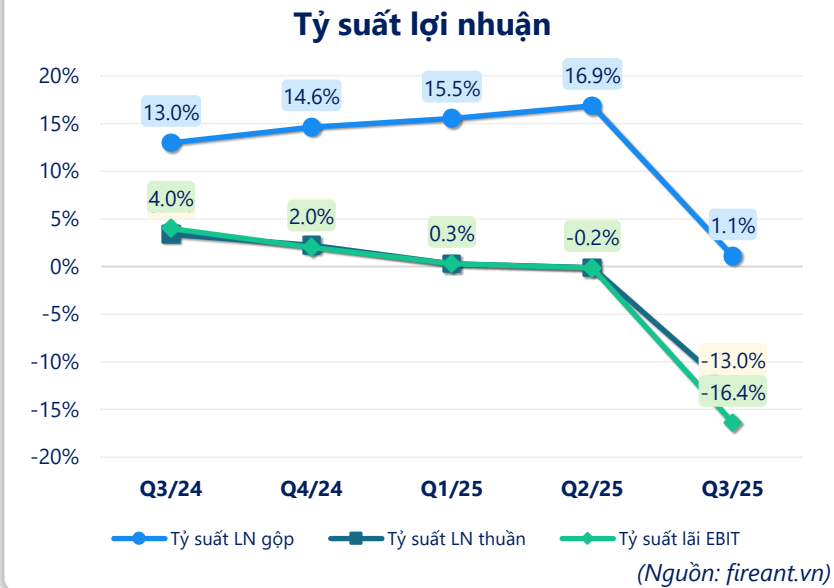
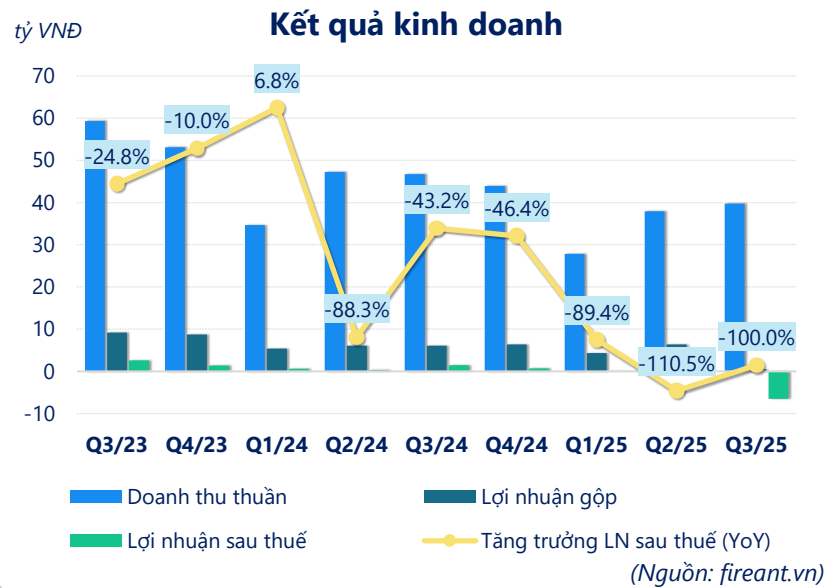
	YTD	1T	3T	6T
TTC	-22.7%	26.7%	18.8%	-10.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Gạch men Thanh Thanh (HNX: TTC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	131	161	-18.9%
Tài sản ngắn hạn	123	148	-17.0%
Tiền và tương đương tiền	42.8	22.6	89.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.49	6.18	-11.1%
Phải thu ngắn hạn	26.6	25.6	4.2%
Hàng tồn kho	47.7	93.6	-49.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.31	0.21	50.1%
Tài sản dài hạn	7.56	12.8	-41.0%
Phải thu dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản cố định	6.28	10.8	-42.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.19	1.88	-36.6%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	23.6	44.6	-47.1%
Nợ ngắn hạn	21.6	42.6	-49.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.20	11.8	-81.4%
Nợ dài hạn	2.03	2.04	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	107	116	-8.1%
Vốn chủ sở hữu	107	116	-8.1%
Vốn điều lệ	59.9	59.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	46.7	43.9	27.8	37.9	39.8
Giá vốn hàng bán	40.7	37.5	23.5	31.5	39.3
Lợi nhuận gộp	6.06	6.42	4.32	6.40	0.43
Doanh thu HĐTC	0.09	0.18	0.08	0.19	0.14
Chi phí TC	0.06	0.36	0.00	0.27	1.11
Chi phí lãi vay	0	0.00	0	0.00	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.99	1.04	0.62	1.22	0.88
Chi phí QLDN	3.53	4.22	3.69	5.13	3.76
LN thuần từ HĐKD	1.57	0.98	0.08	-0.04	-5.19
Lợi nhuận khác	0.29	-0.10	0	-0.02	-1.33
LN trước thuế	1.86	0.88	0.08	-0.06	-6.52
Lợi nhuận sau thuế	1.49	0.68	0.07	-0.05	-6.52
LNST của CĐ cty mẹ	1.49	0.68	0.07	-0.05	-6.52

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.16	3.59	1.45	1.05	18.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.36	0.11	0.12	0.10	1.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.03	0.00	0	-2.38	0
Tiền đầu kỳ	17.4	18.9	22.6	24.2	23.0
Lưu chuyển tiền thuần	1.49	3.70	1.57	-1.22	19.8
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	0.06	0.00	0.01	0.02
Tiền cuối kỳ	18.9	22.6	24.2	23.0	42.8

(Nguồn: fireant.vn)